

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 - 2015

ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP
NGÀNH KIẾN TRÚC

Sinh viên thực hiện : PHẠM HẢI ANH

Giáo viên hướng dẫn: THS.KTS. CHU PHƯƠNG THẢO

Hải Phòng 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

TRUNG TÂM VĂN HÓA VIỆT - LÀO
ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH: KIẾN TRÚC

Sinh viên : PHẠM HẢI ANH

Giáo viên hướng dẫn: THS.KTS . CHU PHƯƠNG THẢO

HẢI PHÒNG 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

Sinh viên: PHẠM HẢI ANH

Mã số: 1212109021

Lớp: XD1602K

Ngành: Kiến trúc

Tên đề tài: TRUNG TÂM VĂN HÓA VIỆT - LÀO

NHIỆM VỤ ĐỒ ÁN

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đồ án tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Công trình đáp ứng chức năng về học tập , nghiên cứu hội thảo và quảng bá nền văn hóa 2 nước VIỆT NAM vs LÀO
 - Công trình phải đảm bảo về tính chất văn hóa
 - Công trình phải đảm bảo yêu cầu trước mắt và khả năng phát triển lâu dài.
 - Công trình thiết kế phải có vị trí và hình thức thu hút điểm nhìn, đảm bảo tầm nhìn từ trên không và từ dưới đất.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán :

TCXDVN_4455-1987 - Tiêu chuẩn bản vẽ xây dựng Việt Nam
TCXDVN_6160-1996 - Tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy nhà cao tầng
TCXDVN_4455-1987 - Tiêu chuẩn bản vẽ xây dựng Việt Nam
TCXDVB 333-2005 – Chiều sáng nhân tạo bên ngoài công trình công cộng
TCXDVN 276-2003 - Công trình công cộng - Nguyên tắc thiết kế
TCXDVN 281-2004 - Công trình văn hóa
TCXDVN 323-09-11-2004 - Nhà cao tầng-TCTK

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

CÔNG TY KIẾN TRÚC NAM CƯỜNG

.....

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

Giáo viên hướng dẫn:

Họ và tên: CHU PHƯƠNG THẢO

Học hàm, học vị: THẠC SĨ , KIẾN TRÚC SƯ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 06 tháng 10 năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 19 tháng 01 năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐATN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐATN

Giáo viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....

CHƯƠNG I : GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI.....

I. NHỮNG HIỂU BIẾT VỀ THỂ LOẠI VÀ ĐỀ TÀI

1. VĂN HÓA:

2. THUỘC KHU VỰC VĂN HÓA ĐÔNG NAM Á

a. Nhân diện văn hóa

b. Đặc trưng văn hóa chung

c. Tiến trình lịch sử văn hóa

3. CÁC THÀNH TỐ CỦA VĂN HÓA

II: LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CHÍNH

III: NHỮNG TÀI LIỆU LÀM CƠ SỞ

CHƯƠNG II : PHẦN KIẾN TRÚC

I. PHÂN KHU CHỨC NĂNG

II: BẢN ĐỒ VÀ CÁC SỐ LIỆU LIÊN QUAN

III: NHIỆM VỤ THIẾT

CHƯƠNG III : KẾT LUẬN

3.1. Kết luận.....

3.2. Bản vẽ kỹ thuật

LỜI CẢM ƠN

Đồ án tốt nghiệp là kết quả của một quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên sau 5 năm ngồi trên ghế nhà trường. Đây là cơ hội để sinh viên chứng tỏ mình trước khi bước vào một giai đoạn mới. Chúng em đã thực hiện đồ án này với hi vọng gửi gắm vào đó ý tưởng kiến trúc của mình, cùng với việc tập dượt đúc rút kinh nghiệm để trở thành một KTS có kiến thức và khả năng nghề nghiệp tốt khi ra trường lập nghiệp. Sau quãng thời gian tìm tòi, nghiên cứu, học hỏi qua các tài liệu cùng với sự say mê với kiến trúc, dưới sự dìu dắt của các thầy cô em đã hoàn thành đồ án tốt nghiệp với đề tài:

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI

I. NHỮNG HIỂU BIẾT VỀ THỂ LOẠI VÀ ĐỀ TÀI:

1. VĂN HÓA:

Là cái còn lại khi người ta đã quên đi tất cả,

Là cái còn thiếu khi người ta đã học tất cả.

(Edouard Herriot)

“Văn hoá là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra, tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn”. Định nghĩa văn hóa (cơ sở văn hóa Việt Nam của PGS. Trần Ngọc Thêm)

2. THUỘC KHU VỰC VĂN HÓA ĐÔNG NAM Á:

a. Nhân diện văn hóa:

Vị trí địa lý:

Trên bản đồ thế giới, Việt Nam và Lào thuộc khu vực Đông Nam Á nằm trong phạm vi từ 92⁰ đến 140⁰ kinh đông và từ 28⁰ vĩ bắc chạy qua xích đạo khoảng 15⁰ vĩ nam. Tổng diện tích khoảng 4 triệu km². Đông Nam Á bao gồm một quần thể các đảo, bán đảo và quần đảo, các vịnh và biển chạy dài suốt từ Thái Bình Dương đến Ấn Độ Dương.

Xét về mặt địa lý – hành chính: Thuộc khu vực Đông Nam Á bao gồm 11 nước: Philippines, Malaysia, Brunei, Indonesia, Singapore, Thái Lan, Myanmar, Campuchia, Lào, Đông Timor và Việt Nam.

Đặc điểm nổi bật nhất của khí hậu Đông Nam Á là tính chất gió mùa nóng và ẩm.

Tóm lại, điều kiện nóng ẩm, mưa nhiều và có gió mùa là hằng số tự nhiên của văn hóa Đông Nam Á, và chính nó đã góp phần tạo nên đặc trưng của văn hóa Đông Nam Á nói chung và Việt – Lào nói riêng – nền văn minh thực vật hay nền văn minh lúa nước.

Laos:

Thủ đô: Viên-chăn (Vientiane)

Diện tích: 236800 km²

Dân số: 5,3 triệu (tính tới năm 1999)

Ngôn ngữ: Lào

Tôn giáo: Phật giáo

Là thành viên của các tổ chức: ASEAN, ADB, ESCAP, FAO, IBRD, WHO, IDA, WIPO, IFC, ILO, IMF, UN, NCTAD, UNESCO, UNIDO, UNICEF, WHO, EALAF

Đơn vị tiền tệ: Kip

Các mặt hàng sản xuất chính: quần áo, gỗ chế biến, điện

Các mặt hàng xuất khẩu: cà phê, điện, quần áo, gỗ, đồ gỗ, thạch cao

Các mặt hàng nhập khẩu: máy móc công nghiệp, hoá chất, sắt, máy điện và hàng hoá điện gia dụng, thép, dầu, vật liệu xây dựng, hàng hoá tiêu dùng.

VietNam:

Thủ đô: Hà Nội

Diện tích: 331700 km²

Dân số: 77,5 triệu (tính tới năm 2000)

Ngôn ngữ: Việt Nam

Tôn giáo: Phật giáo

Là thành viên của các tổ chức: ASEAN, IBRD, IDA, IFC, IMF, ASEM, MIGA, UNDP, UNCTAD, GSPT, UNIDO, FAO, IFAD, ICAO, EALAF

Đơn vị tiền tệ: VND (Vietnam dong)

Các mặt hàng sản xuất chính: Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, đánh bắt cá, xây dựng công nghiệp

Các mặt hàng xuất khẩu: Gạo, dầu, than đá, crom, thiếc, xi-măng, thảm len, cói, hải sản

Các mặt hàng nhập khẩu: Xe máy, sản phẩm dầu thô, dầu diesel, phân bón

b. Đặc trưng văn hóa chung :

Cùng sinh ra và phát triển trên cùng khu vực địa lý, cư dân 2 nước đã sáng tạo ra một nền văn hóa bản địa riêng biệt, độc đáo, có cội nguồn chung từ thời tiền sử và sơ sử, trước khi tiếp xúc với văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ. Nền văn hóa mang tính khu vực thống nhất đó được phát triển liên tục trong suốt chiều dài lịch sử cho đến tận ngày nay.

c. Tiến trình lịch sử văn hóa:

Thời tiền sử, tiêu biểu nhất, đặc trưng nhất cho văn hóa đồ đá giữa Đông Nam Á và văn hóa Hòa Bình. Kỹ thuật đá Hòa Bình có mặt ở nhiều nơi ở khắp vùng Đông Nam Á. Do đó văn hóa Hòa Bình là văn hóa chung của Đông Nam Á.

Thời sơ sử, ở thời kỳ này là nền văn hóa Đông Sơn với hàng loạt trống đồng thạp đồng đủ các loại kích cỡ và với một nghệ thuật trang trí tuyệt tác. Có thể nói với sự xuất hiện của trống đồng Đông Sơn, kỹ thuật đúc đồng thau của cư dân vươn tới đỉnh cao nhất. Bắt đầu có nhiều nghi lễ, tín ngưỡng ra đời gắn liền với công việc trồng lúa nước nói riêng và sản xuất nông nghiệp nói chung như tục thờ thần Mặt trời, thần Nước, thần Đất, thần Lúa.v.v... Hàng loạt lễ hội dân gian cũng được tổ chức như đua thuyền, thả diều, dâng lửa.v.v... Đây cũng là thời kỳ nảy sinh các thần thoại, huyền thoại.

Một đặc điểm nữa cần nhấn mạnh là các dân tộc tiếp thu văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ, không phải một cách thụ động mà chủ động, sáng tạo, làm cho các yếu tố văn hóa ngoại phù hợp với hoàn cảnh điều kiện của mình.

Tóm lại, ngay từ buổi bình minh của lịch sử, Lào và Việt Nam đã trở thành một khu vực đáng chú ý với nền văn minh nông nghiệp lúa nước và nghề luyện kim đồng nổi tiếng thế giới.



CÁC CỔ VẬT LỊCH SỬ

3. CÁC THÀNH TỐ CỦA VĂN HÓA :

a, Lối sống :

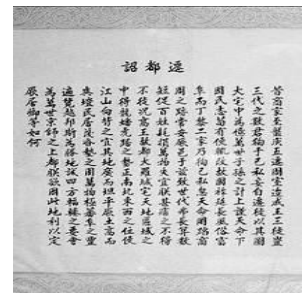
Trước hết ta tìm hiểu về Lào : Người Lào ghét lối cực đoan trong xử thế , nhã nhặn ,kiên nhẫn, nói năng khiêm tốn ,tự kiểm chế ,kính trọng người già là những nét quan trọng trong tính cách của người Lào. Trong lúc người Việt có triết lí sống quân bình không làm mất lòng ai, trong ăn ở gắng giữ gìn sự hài hòa trong cơ thể và môi trường thiên nhiên ,chính triết lí này tạo cho người Việt có khả năng thích nghi cao với mọi hoàn cảnh, là dân tộc sống bằng tương lai (lạc quan)

“Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời”

b. Ngôn ngữ – chữ viết:

Ở bất kỳ quốc gia Đông Nam Á nào cũng có hàng chục, thậm chí hàng trăm ngôn ngữ khác nhau, tuy nhiên mỗi quốc gia có một ngôn ngữ riêng, tiếng nói riêng của quốc gia đó.

Lào thuộc nhóm ngôn ngữ chữ Tai .Tiếng Tai là một bộ phận của họ ngôn ngữ trải dài từ Assam Ấn Độ đến Vân Nam Trung Quốc , tiếng Lào là ngôn ngữ đơn âm có thanh điệu đa số vay mượn tiếng Pali ,tiếng Phạn, tiếng Lào có 6 thanh khác nhau và 33 phụ âm . Chữ Lào có nguồn gốc từ những kí tự cổ Nam Á , chữ Lào hiện đại do vua Thái Ramkhamhaeng sáng tạo ra 1283 ,chữ Lào viết từ trái sang phải không có khoảng trống Người Việt có người kinh chiêm đa số, nói tiếng Việt . Chữ viết bao gồm chữ Nôm, hán việt và cuối cùng là tiếng việt có mẫu tự la tinh.



CHỮ VIẾT VÀ NGHỆ THUẬT THƯ PHÁP

c. Tín ngưỡng bản địa:

- Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên: Ở tất cả các quốc gia Đông Nam Á đều có tục thờ Mặt trời. Người ta thờ thần Mặt trời, người ta khắc hình mặt trời vào các trống đồng, thạp đồng. Gắn liền trực tiếp với công việc đồng áng của cư dân nông nghiệp Đông Nam Á là Đất và Nước và cây lúa nước là tất cả cuộc sống của họ. Vì vậy, thần Lúa là vị thần thiêng liêng nhất.

Người Lào mất nhiều thời gian để cúng tế xin các vị thần phù hộ ,như nghi lễ cúng Nang Psakosob, vị nữ thần lúa phải thực hiện cẩn thận

Người Việt thì tín ngưỡng đa thần ,tục thờ Mẫu đã trở thành tín ngưỡng Việt Nam điển hình ,trước hết là BÀ TRỜI ,BÀ ĐẤT ,BÀ NƯỚC . Trong tục thờ thần tự nhiên còn có thờ động và thực vật ,thiên hướng của nghệ thuật loại hình văn hóa nông nghiệp còn đẩy các con vật này lên mức biểu trưng như tiên rồng.

- Tín ngưỡng phồn thực: Để duy trì cuộc sống, con người nông nghiệp cần mùa màng tươi tốt và gia súc phát triển, bởi đó là nguồn thức ăn chính nuôi sống con người. Hơn nữa, để duy trì nòi giống và phát triển xã hội, bản thân con người cũng phải sinh

sôi nẩy nở. Chính những đòi hỏi khách quan đó đã là tiền đề để tín ngưỡng phồn thực ra đời và phát triển.

Biểu hiện của tín ngưỡng phồn thực rất đa dạng, nhiều vẻ: tục cầu mưa, lễ cầu Mẹ nước, tục té nước, tục đi lấy nước thờ của người Thái, Lào và của một số dân tộc ở Campuchia, Myanmar, Philippines, Việt Nam... mục đích chính là xin nước cho cây cối, mùa màng phát triển xanh tốt, bội thu. Thêm nữa, tục vũ hội dưới nước hay múa khèn của người Giao, người Li, người Bui, người Hmông, tục đánh trống thi, tục đánh đu, tục hát đối nam nữ biểu hiện nghi thức phồn thực của một xã hội nông nghiệp, tục thờ sinh thực khí phổ biến ở nền văn hóa nông nghiệp đến ngày nay.

Từ ngày xưa bộ công cụ thiết thân của người nông nghiệp đã là vật tượng trưng cho sinh thực khí nam và nữ con hành động giã gạo là tượng trưng cho hành động giao phối

- Tín ngưỡng sùng bái người đã mất: Xuất phát từ quan niệm vạn vật hữu linh, cư dân Đông Nam Á cho rằng mỗi người sinh ra đều có nhóm hồn, ma nhất định. Số lượng hồn ma tùy vào quan niệm của từng dân tộc.

Hồn, theo cư dân Đông Nam Á, có quan hệ mật thiết với con người. Quan niệm này là cơ sở ra đời tín ngưỡng thờ cúng người đã mất, mà trước hết và quan trọng nhất là thờ cúng ông bà tổ tiên của gia đình, dòng họ.

d. Tôn giáo:

Sự hòa đồng, pha trộn các tôn giáo ở cả Việt Nam và Lào có lẽ bắt nguồn từ tính dễ thích nghi, tính cởi mở, và uyển chuyển của bản thân con người Việt, Lào, do có một nền văn hóa bản địa vững chắc, khi các tôn giáo được du nhập vào Đông Nam Á, bên cạnh việc tôn thờ tôn giáo mới, các dân tộc vẫn bảo tồn tín ngưỡng bản địa cổ truyền của họ.

Phật giáo tiêu thừa ảnh hưởng và uốn nắn tính cách người Lào hơn bất cứ một thể lực nào. Đa số thanh niên Lào đều phải đi tu một thời gian nào đó trong cuộc đời họ.

Việt Nam du nhập Phật giáo từ Ấn Độ ngay đầu công nguyên và 3 tông Phật giáo được truyền vào Việt Nam: Tịnh tông, Thiền tông, Mật tông.

Bên cạnh Phật giáo thì Nho giáo cũng được truyền vào Việt Nam chủ yếu là Tống Nho và có những biến đổi cho phù hợp với văn hóa dân tộc.

Ngoài ra Đạo giáo được truyền vào Việt Nam. Đạo là sự phạm trù hóa triết lý tôn trọng tự nhiên còn đức là phạm trù hóa luật âm dương biến đổi, triết lý này được khổng tử và lão tử đều tiếp nhận sức sống của văn minh nông nghiệp.



e. Lễ hội – lễ tết:

Tất cả các lễ hội Đông Nam Á phần lớn bắt nguồn từ một gốc chung mang tính khu vực: Đó là nền sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước. Có thể nói, chính đặc trưng này đã tạo nên tính thống nhất của lễ hội – lễ tết khu vực nói riêng và văn hóa khu vực

nói chung. Trong số các lễ hội Đông Nam Á thì phổ biến nhất là các lễ hội nông nghiệp mà quan trọng nhất là những lễ hội liên quan đến cây lúa, được tổ chức lúc người dân nhàn rỗi. Đây cũng chính là lý do để các lễ hội ra đời.

Đặc điểm tổ chức lễ hội cũng khá linh hoạt, thường là những nơi gắn liền với đời sống sản xuất của nhà nông: Trên cánh đồng, ngoài bờ sông, dưới gốc cây đa, bên bờ suối,... Sau một thời gian thì lễ hội được diễn ra ở chùa, đền, đình, nhà thờ.

Trong số các lễ hội nông nghiệp, như đã nói, phổ biến và quan trọng hơn cả là những lễ hội gắn với cây lúa và vòng đời của cây lúa, hay nói cách khác, quy trình sản xuất lúa. Bước đầu tiên của quy trình sản xuất lúa được phản ánh trong các lễ hội như lễ Xuống đồng hay Tịch điền của người Việt, lễ Dụng chòi cày của người Chăm, lễ “Đường cày hạnh phúc” được tổ chức rất linh đình. Đồng thời với việc tế lễ là các trò chơi giải trí như thả đèn trên sông, bơi thuyền.v.v...

Trong các lễ hội thường có hai phần: Phần lễ và phần hội.

Phần lễ thường mang nội dung:

- Cầu xin, cầu mong làm ăn phát đạt, sung túc.
- Tạ ơn thần linh, tổ tiên đã phù hộ, che chở cho cuộc sống của mình.

Phần hội thường là những trò vui chơi giải trí. Mục đích của các trò chơi trong dịp lễ hội rất cụ thể, thiết thực, chẳng hạn:

- Những trò chơi như thi bơi chải, đấu vật, kéo co, cướp cờ.v.v... nhằm mục đích nâng cao sức khỏe.
- Các trò thi đánh trống, chơi đu ném còn.v.v... thể hiện mục đích phồn thực.
- Những trò thi thả diều, luộc gà, dệt vải.v.v... nhằm rèn luyện sự khéo léo.
- Những trò chơi cờ, đố chữ.v.v... luyện trí thông minh.
- Và hàng loạt trò chơi khác như đốt pháo, ném pháo, té nước..v.v.. thì thể hiện ý muốn cầu mưa, cầu nước.

Một trong những lễ hội tiêu biểu vẫn tồn tại cho đến ngày nay là lễ hội Rija của người Chăm ở Bình Thuận và Ninh Thuận mà nhiều nhà nghiên cứu văn hóa dân gian vẫn thường nhắc đến. Ngoài những lễ hội nông nghiệp còn có các lễ hội kỷ niệm những người anh hùng của dân tộc. Một kiểu lễ hội khác nữa cũng thường được tổ chức hàng năm là những lễ hội tôn giáo, tiêu biểu là Bun Phà Vệt (kỷ niệm Thích Ca thành Phật).

Tết Nguyên đán của các dân tộc Lào đều diễn ra vào giữa tháng Tư dương lịch, tức là thời gian chuyển tiếp từ mùa khô và mùa mưa. Có thể coi đây là Tết vào mùa của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước.

Boun Wat Phu một lễ hội phật giáo 3 ngày làm vui lòng vị thần Wat Phu bằng cách hiến người sống, ngày nay được thay bằng hiến trâu là một lễ hội lớn ở Lào

Lào là một dân tộc của lễ hội và tết năm mới được tổ chức 4 lần trong năm

Các lễ hội chính ở Lào : Tết năm mới (pi mai), lễ hội pháo thăng thiên (boun bang tay), lễ hội té nước (boun lay heua pay), lễ hội That Luang (boun that luang)

Tết nguyên đán là lễ quan trọng nhất của người Việt



**NƠI TỔ CHỨC LỄ HỘI
TÂM LINH**



KHÔNG GIAN SINH HOẠT



LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

f. Phong tục tập quán:

- Trang phục:

Ở hầu hết, cả 2 dân tộc trang phục phổ biến thường Váy là đồ mặc đặc trưng của phụ nữ, nam đóng Khố và cả hai đều cởi trần, đi đất. Sau này, quần xuất hiện muộn hơn, nhưng trước thời kỳ dùng quần, nhiều dân tộc ở bán đảo Trung – Ấn đã dùng Xà cạp để quấn chân. Ngoài ra, nữ còn có y phục đặc biệt nữa là Yếm, tiếp đến một kiểu trang phục gần đây nhất là áo chui.

Mặc dù y phục tây phương phổ biến nhưng tộc Lao Lum (một dân tộc đa số ở Lào) vẫn mặc những chiếc váy thêu quần quanh người gọi là pha sin với áo lụa hay vải đặc biệt là chiếc đai lưng thêu chỉ bạc cầu kì.

Đối với người Việt thì trước hết là tơ tằm gắn liền với nghề dệt truyền thống bên cạnh đó còn tơ đay gai ,vải bông . Trang phục chủ yếu là cái váy ở nữ ,chiếc khố ở nam ,chiếc yếm những chiếc áo tứ thân gắn liền với những làn quan họ

Đặc biệt là chiếc áo dài truyền thống



TRANG PHỤC TRUYỀN THỐNG

- An uông:

Là khu vực nóng, ẩm, mưa nhiều lại có đủ các loại hình động thực vật Đông Nam Á, vì vậy, vô cùng phong phú. Thức ăn ở nơi đây lúc nào cũng có sẵn.

Người Lào ăn gạo là chính và pha trộn cá thịt và gia vị thảo mộc trong cùng một món ăn ,mắm và nước mắm cũng quan trọng .Thích ăn cơm nếp và bóc bằng tay. Món ăn quan trọng được dùng trong các lễ hội là “lap” được làm từ thịt bò ,hươu băm nhuyễn kết hợp với rau.Trong bữa ăn chính phải có món canh.

Người Lào thích uống thức uống thiên nhiên pha trộn ,các gia đình nông thôn thường chế biến rượu gạo để dùng trong gia đình ngoài ra họ thích uống cafe đậm ngọt.

Về phần người Việt thì cơ cấu bữa ăn mang dấu ấn truyền thống văn hóa nông nghiệp lúa nước ,trong bữa ăn người Việt sau gạo thì rau quả ,đứng thứ 3 là thức ăn động vật là các loại thủy sản từ đây tạo được nhiều loại nước mắm .

Đồ uống chủ yếu của người Việt là hút thuốc Lào ,rượu gạo ,nước chè ... trong đó tục ăn trà cau là phong tục cực kì lâu đời .Rượu Việt Nam được làm từ gạo nếp .



NGHỆ THUẬT ẨM THỰC TRUYỀN THỐNG

- **Tang lễ:**

Có 2 cách chủ yếu để xử lý đối với xác người chết : Chôn dưới đất và hỏa thiêu. Trong việc chôn cất người chết, một tập tục rất phổ biến ở Đông Nam Á là chôn theo người chết những thứ cần thiết cho cuộc sống và những thứ mà khi còn sống họ ưa thích (xác ướp được khai quật).

Đối với người Lào thì tang lễ là nghi lễ cuối cùng quan trọng nhất nhưng người ta không dựng bia hay để lại dấu vết để ghi nhớ phần mộ.

Người Việt chuẩn bị chu đáo cho cái chết của mình ,quan tài làm hình vuông và xây mộ

- **Những phong tục tập quán chung khác:**

Trầu cau gắn liền với mọi nghi thức trong cuộc sống hàng ngày: cưới xin, ma chay, lễ hội, tết nhất, v.v... Quả cau, lá trầu được dùng để tế lễ, được mang ra mời khách vì “Miếng trầu là đầu câu chuyện”, nó cũng không thể thiếu trong các cuộc họp mặt gia đình, họ hàng, bạn bè đồng nghiệp. Trong các lễ cưới bao giờ cũng có nghi thức cô dâu – chú rể trao trầu cho nhau bởi vì miếng trầu là biểu hiện của lòng thành thủy sắt son, của tình nghĩa vợ chồng sâu đậm. Ở hầu hết các dân tộc Đông Nam Á trong món lễ mà nhà trai mang đến nhà gái để ăn hỏi, miếng trầu là lễ vật không thể thiếu.

Đối với người dân Đông Nam Á, ăn trầu có nhiều tác dụng và ý nghĩa. Trầu làm chắc răng và làm sạch hàm răng.

Ngoài ra còn có tục nhuộm răng đen, xăm mình.v.v...

- **Các trò chơi giải trí:**

Chơi gà, thả diều, bơi thuyền.v.v...

g. Nhà cửa:

Ở khu vực Đông Nam Á có một kiểu nhà mang tính chất đặc trưng nổi bật nhất của toàn khu vực: nhà sàn. Không chỉ trước đây mà ngay bây giờ, nếu có dịp đi đến bất kỳ nước nào ở khu vực này, chúng ta vẫn thấy kiểu nhà này. Và cũng không phải chỉ ở những vùng xa xôi hẻo lánh mang tính chất hoang sơ, tức là những nơi thường được coi là “xứ sở” bảo lưu vốn cũ chắt chẽ nhất như ở vùng núi cao Lào, Thái Lan, Việt Nam hay Indonesia.v.v... mới có nhà sàn.

Nhà sàn thường được làm từ gỗ, tre, nứa, lá và có kết cấu sàn – khung gỗ. Gỗ dùng làm cột và khung là gỗ tốt, có sức chịu đựng lớn. Nổi từ mặt đất lên sàn là một thang gỗ nhiều bậc, chắc chắn. Hiên nhà sàn thường rất rộng bởi nó được sử dụng như một phòng công cộng với nhiều chức năng mang tính tập thể toàn gia đình như ăn uống, trò chuyện, giải trí.v.v... Ở các dân tộc, phần dưới nhà sàn thường nhốt trâu, bò, dụng cụ lao động hàng ngày,v.v...

Nhà sàn có nhiều loại to, nhỏ, dài ngắn khác nhau. Ở dân tộc như Gia rai, Êđê,... ở Việt Nam. Nhà sàn với mái cong hình thuyền là một kiểu phổ biến ở Đông Nam Á.

Để ứng phó với môi trường tự nhiên tiêu chuẩn Việt Nam về mặt cấu trúc là nhà cao cửa rộng tạo không gian thoáng mát ,cái cao ở đây là sàn cao so với đất và mái cao so với sàn .Xây nhà thường theo luật phong thủy.



NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC

h. Nghệ thuật tạo hình:

Nghệ thuật tạo hình hay còn gọi là nghệ thuật hình khối, bao gồm hội họa và điêu khắc.

Ban đầu là những hình khắc chạm đơn sơ trên đá, đặc trưng nhất cho văn hóa đồ đá giữa ở Đông Nam Á là nền văn hóa Hòa Bình có mặt ở nhiều vùng Đông Nam Á.

Giai đoạn tiếp sau là sự xuất hiện của tượng người và tượng động vật bằng đá. Nói chung, “Ở các tượng đá lớn này, có tỉ lệ không cân đối, không thể hiện rõ từng chi tiết nhưng những nét chính, những mảng khối lớn, chủ yếu, biểu hiện rất sinh động và thực.

Trên các tác phẩm hội họa ,điêu khắc từ truyền thống Đông Sơn cho đến tranh dân gian ,chạm khắc đình làng hầu như không bao giờ có chi tiết thừa

Người Việt Nam tuy chịu nhiều chiến tranh nhưng với bản tính trọng tình nên không hề tạo ra những tranh tượng về đề tài chiến tranh

Khi nhắc đến Lào người ta thấy biểu tượng NAGA có mặt khắp nơi là con rắn trong thần thoại .Bên cạnh xuất sắc trong chạm khắc gỗ thì người phụ nữ Lào thể hiện mình bằng cách dệt ra những tấm thổ cẩm tinh vi và phức tạp được đánh giá cao nhất ở Đông Nam Á.



NAGA



TRANG PHỤC LÀO



ĐIỀU KHẮC

Nói về sự phát triển của nghệ thuật tạo hình, người ta không thể không nói tới sự xuất hiện của đồ gốm. Trong đó nổi tiếng ở Việt Nam là làng gốm Bát Tràng.

Đông Nam Á là một trong những nơi có đồ gốm sớm nhất thế giới. Điều đáng nói ở đây là trên đồ gốm, đã trang trí nhiều hoa văn, tiết họa, hình động vật, hình mặt trời.v.v... ngay từ thời hậu kỳ đá mới đã xuất hiện hàng loạt hoa văn thể hiện hình những con thuyền. Từ gốm mộc dần dần xuất hiện gốm tráng men, và cùng với sự phát triển đó của đồ gốm cũng đồng thời là sự phát triển của nền hội họa.

Chuyển sang thời kỳ kim khí, nghệ thuật tạo hình có một bước tiến nhảy vọt đáng kể. Trống đồng Đông Sơn trở thành biểu tượng cao nhất của sự phát triển nghệ thuật tạo hình Đông Nam Á trong thời kỳ này.

Một trung tâm văn hóa khác phản ánh đậm nét phong cách nghệ thuật kiến trúc tạo hình An Độ là Chămpa. Di vật được coi là cổ nhất của điêu khắc Chămpa là pho tượng Phật bằng đồng cao hơn một mét ở Đông Dương. Pho tượng này được tạc hoàn toàn theo phong cách điêu khắc Amaravati của An Độ.

Nghệ thuật tạo hình Đông Nam Á nói chung và Việt-Lào nói riêng khác với nghệ thuật tạo hình phương Tây, là ở tính biểu trưng, ước lệ và cách điệu.



NGHỆ THUẬT ĐIỀU KHẮC



NGHỆ THUẬT HỘI HỌA

k. Nghệ thuật biểu diễn:

Là thuật ngữ được dùng ở đây để chỉ một lĩnh vực bao gồm những loại hình nghệ thuật có liên quan mật thiết với nhau như: Ca, múa, nhạc, kịch.

Trong hệ thống nhạc cụ cổ truyền Đông Nam Á, bộ gõ đóng vai trò hết sức quan trọng. Trong ba loại nhạc cụ, bộ gõ đa dạng nhất, phổ biến nhất và có truyền thống lâu đời nhất.

Nhạc cụ thuộc bộ gõ rất nhiều thứ, nhiều loại: Trống cái, trống con, trống cơm, chiêng mẹ, chiêng con, đàn đá, khánh, chuông to, chuông nhỏ.v.v... Tuy nhiên, trong bộ gõ, trống và chiêng, công giữ vai trò chủ đạo.

Trống đồng là biểu hiện tập trung nhất và rực rỡ nhất của nhạc cụ truyền thống Đông Nam Á. Cùng với trống đồng, hình ảnh bầu vú con được thấy ở những quả chuông lớn, chúng ta thấy rõ chủ nghĩa phồn thực. So với bộ gõ, bộ thổi có số lượng ít hơn, ở Việt Nam tập trung ở miền núi

Các hình thức sinh hoạt văn hóa của các dân tộc hết sức phong phú, đa dạng: Múa tập thể, rội nước, rội bóng, những trò diễn hóa trang và cả những màn vũ kịch. Trong biểu diễn văn nghệ, tính tập thể là một nét điển hình của sân khấu truyền thống một đặc tính khác của sân khấu cổ truyền nói chung đó là tính dân gian. Có thể nói, quanh năm cư dân Đông Nam Á tắm mình trong không khí văn hóa dân gian. Vì vậy là hình thái sân khấu gắn liền với văn hóa dân gian. Bên cạnh sân khấu cung đình với những vở diễn “tâm cỡ”, lộng lẫy do cung đình nuôi dưỡng, bảo trợ, sân khấu dân gian cũng chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của cư dân . Ở một góc độ nào đó có thể nói, trước đây, sân khấu dân gian còn có phạm vi phổ biến hơn, đi sâu vào quần chúng hơn sân khấu cung đình.

Ngoài tính tập thể, tính dân gian, sân khấu còn mang tính tổng hợp.

Trong nghệ thuật biểu diễn, các nghệ sĩ dân gian và sân khấu truyền thống thường phối hợp các động tác hát-múa-diễn. Khác với phương Tây và với những nền văn hóa du mục vốn có truyền thống nhảy, nghĩa là dùng chân là chính, các nghệ sĩ Đông Nam Á lại thiên về múa, với những nghệ thuật sử dụng đôi tay, đặc biệt là bàn tay là chủ đạo (Múa bằng tay, nhảy bằng chân).

Động tác múa rất khác động tác nhảy. Múa thiên về những động tác mềm mại, uyển chuyển, tròn trĩnh. Nét phổ biến trong múa nữ còn là sự tế nhị, kín đáo trong cách ăn mặc và trong các động tác trình diễn.

Múa cổ điển Lào có nguồn gốc từ Ấn Độ nhưng phong cách múa có thể từ Inddonesia

Trong đó âm nhạc và làn điệu dân ca Việt Nam (quan họ Bắc Ninh ,hò Huế ,lí nam bộ ...) đều thiên về diễn tả nội tâm mang đậm chất trữ tình với tốc độ chậm gợi tình cảm quê hương ,với dàn nhạc cổ truyền trống, nhị, sáo, đàn . Sân khấu chèo gần gũi làng quê tính biểu cảm thể hiện ở vai trò người phụ nữ.

Ở Lào nhạc hát rất phổ biến với nhạc cụ thông dụng là khèn ,đàn ống ,sáo trúc ,đàn nhị

Ở đây, người ta nhấn mạnh vào việc “tả thần” hơn là tả thực, chú trọng đến nội dung biểu đạt hơn là hình thức thể hiện. Do vậy, thủ pháp ước lệ, cách điệu được coi là thủ

pháp chủ đạo trong sân khấu truyền thống Đông Nam Á nói chung và Việt - Lào nói riêng .

Văn hóa truyền thống như đã nói, là văn hóa của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước. Do vậy, “bám” khá sát theo chủ đề sản xuất nông nghiệp. Trên sân khấu các quốc gia Đông Nam Á không nước nào là không có những vở diễn hoặc điệu múa liên quan đến các quy trình sản xuất lúa. Từ việc gieo mạ, nhổ mạ, cấy lúa đến việc làm cỏ, bỏ phân rồi gặt, đập thậm chí đến cả xay thóc, giã gạo, sàng sảy.v.v... Tất cả đều được đưa lên sân khấu và trở thành những tiết mục đặc sắc.

Yếu tố tâm linh bộc lộ rõ nhất trong các trò diễn của rối bóng và đặc biệt là rối mặt nạ – một loại hình nghệ thuật rất phổ biến ở các quốc gia Đông Nam Á. Rối mặt nạ thường biểu hiện niềm tin của con người vào sự phù trợ của các đấng thần linh tối cao.

Múa rối Pu Nhor Nha Nhor của Lào diễn tả các hành động nhằm xua đuổi tà ma, quỷ quái làm hại con người. Múa Pu Nhor Nha Nhor còn tỏ lòng biết ơn công đức tổ tiên.v.v... Người ta sử dụng loại hình rối này trong các buổi cúng tế vong hồn, trong những dịp tế lễ thần linh bản địa.



NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU



NGHỆ THUẬT VŨ ĐIỆU



NGHỆ THUẬT THANH SẮC

Tóm lại văn hóa là động lực quan trọng nhất của sự phát triển một nước, một khu vực. Với một bề dày văn hóa giàu có, trong điều kiện hội nhập mới,

Cũng như giữ vững tình đoàn kết lâu năm giữa 2 nước anh em Việt Nam và Lào ,từng quốc gia Đông Nam Á nói riêng, cả khu vực Đông Nam Á nói chung, nhất định sẽ có những bước tiến dài trong một tương lai không xa.

Góp phần để Đông Nam Á sẽ thành một khu vực phát triển của thế giới.

II. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CHÍNH

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Việt Nam và Lào đều sinh ra và lớn lên trong một khu vực lịch sử văn hóa, có chung một cội nguồn, sống cạnh nhau với nhiều nét tương đồng, cùng chung một số phận lịch sử và hiện nay đang cùng nhau liên kết thành một khu vực hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển trong xu thế vừa quốc tế hóa, vừa khu vực hóa.

Vì vậy trung tâm văn hóa Việt Lào được xây dựng nhằm đáp ứng những nhiệm vụ và yêu cầu cấp bách trên. Đó là yêu cầu về nghiên cứu khoa học, lưu trữ, bảo tồn các di vật thuộc các bộ môn nghệ thuật (âm nhạc, hội họa, vũ điệu, điêu khắc, kiến trúc, ca kịch, điện ảnh.v.v...). Mặt khác, nó cũng góp phần giáo dục, định hướng nghệ thuật đúng đắn cho thế hệ trẻ, phục vụ tham quan du lịch, giao lưu và trưng bày, giới thiệu những thành tựu của nền nghệ thuật dân tộc Việt với bạn bè trong khu vực và là nơi diễn ra các cuộc gặp gỡ, trao đổi tinh hoa nghệ thuật giữa 2 quốc gia. Cũng là dịp để Việt Nam giới thiệu mình với bạn bè năm châu, nhằm củng cố và phát triển mối đoàn kết giữa các dân tộc nói chung và Việt – Lào nói riêng.

2. Ý TƯỞNG THIẾT KẾ

Công trình được nuôi dưỡng và triển khai trên nền tảng ý tưởng:

Việt Nam và Lào có nguồn gốc hệ Nam đảo. Mối quan hệ huyết thống cũng đã dần hình thành nên trong mỗi dân tộc một cái **CHUNG**, một cái đặc trưng gần gũi.

Nhưng nền văn hóa của các dân tộc Đông Nam Á, tuy có cùng nguồn gốc xuất phát từ Trung Quốc và An Độ, tuy nhiên theo sự phát triển của mỗi quốc gia đã tạo ra nền văn hóa mang đặc thù của **RIÊNG** mình.

Giữa những cái chung và riêng đó, em chọn hình thức kiến trúc cho Trung tâm văn hóa Việt-Lào với ý đồ đó là **2 CON THUYỀN CHUNG 1 BẾN TƯỢNG TRUNG CHO TÌNH HỮU NGHỊ KHẮNG KHÍT GIỮA 2 NƯỚC**

Điểm nhấn của công trình là phần sảnh giao lưu, trưng bày định kỳ gồm 2 sàn, tương trưng cho 2 quốc gia như anh em cùng một nhà.

Tổ chức không gian mở, thoáng đãng, linh hoạt phù hợp với hoạt động giao lưu của công trình và không gian truyền thông của 2 nước.

III, NHỮNG TÀI LIỆU LÀM CƠ SỞ :

- Qui mô công trình được xác định dựa vào TCXDVN.

Công trình tham khảo

Trung tâm giao lưu văn hóa Việt – Lào



CHƯƠNG II: PHẦN KIẾN TRÚC

I. PHÂN KHU CHỨC NĂNG:

Quảng trường, không gian sinh hoạt ngoài trời: Có chức năng làm tăng cường sự giao lưu giữa mọi người, là đầu mối tiếp cận đến các thành phần chức năng khác của trung tâm văn hóa.

Sảnh giao lưu + triển lãm chuyên đề: Là nơi diễn ra các hoạt động giao lưu, tiếp đón, trưng bày, triển lãm.

Khối biểu diễn: Tổ chức ca múa nhạc, sân khấu, thời trang, hội nghị.

Khối trưng bày, triển lãm: Giới thiệu chung về văn hóa Việt-Lào, cũng như những nét riêng của văn hóa Việt Nam và Lào.

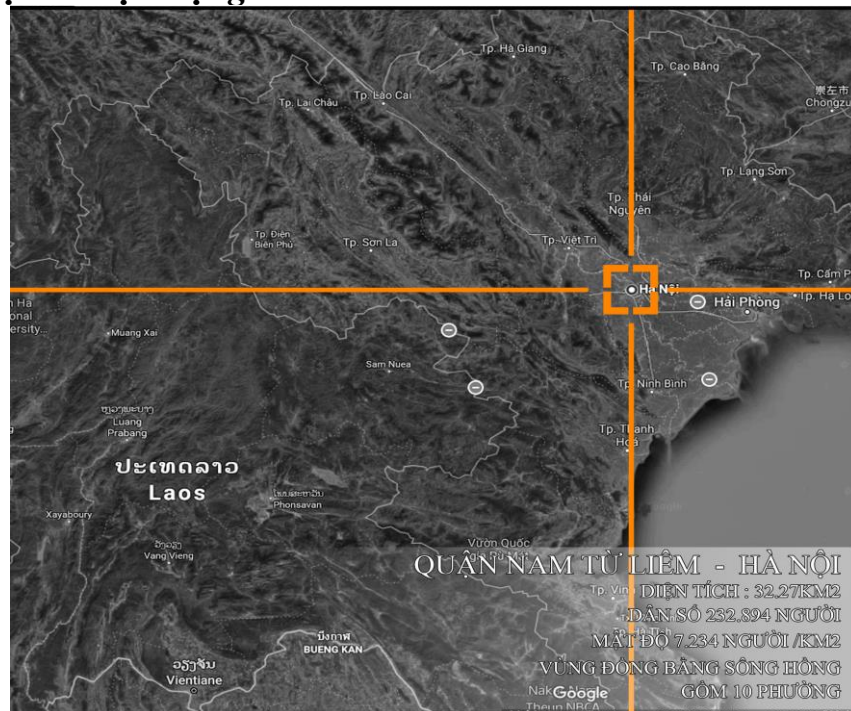
Khối câu lạc bộ: với các hình thức hoạt động đa dạng, vừa vui chơi, giải trí, vừa học tập và rèn luyện thể thao.

Khối hành chính, nghiệp vụ: quản lý, điều hành các hoạt động của công trình, điều phối hoạt động văn hóa với các nước trong vùng.

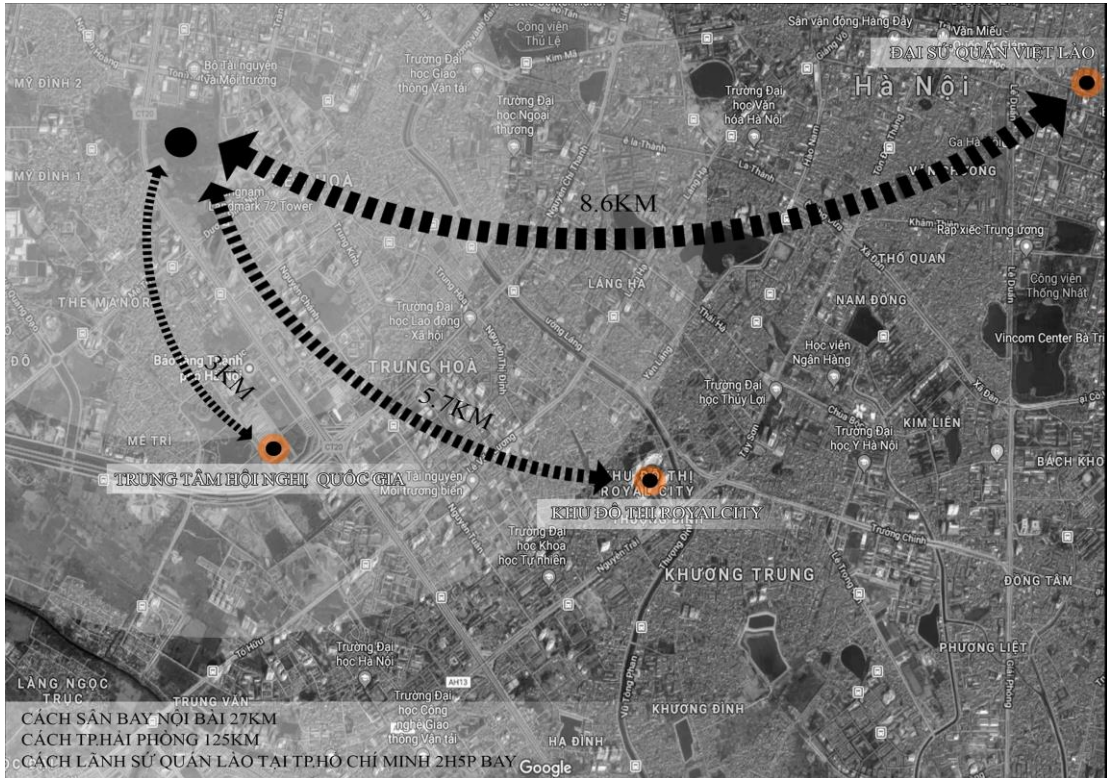
Các phòng kỹ thuật, nghiệp vụ: đảm bảo cho các hoạt động của công trình được thông suốt

II. BẢN ĐỒ VÀ CÁC SỐ LIỆU LIÊN QUAN:

Bản đồ quy hoạch hiện trạng:



Trung tâm giao lưu văn hóa Việt – Lào



Mật độ xây dựng và quy mô công trình:

- Diện tích khu đất: 7.9ha.
- Mật độ xây dựng: 40%.

Giải pháp thiết kế kiến trúc

1) Thiết kế tổng mặt bằng

Căn cứ vào đặc điểm mặt bằng khu đất, phương hướng quy hoạch, thiết kế tổng mặt bằng công trình phải căn cứ vào công năng sử dụng của từng loại công trình, dây chuyền công nghệ để có phân khu chức năng rõ ràng đồng thời phù hợp với quy hoạch đô thị được duyệt, phải đảm bảo tính khoa học và thẩm mỹ.

Bố cục và khoảng cách kiến trúc đảm bảo các yêu cầu về phòng chống cháy, chiếu sáng, thông gió, chống ồn, khoảng cách ly vệ sinh.

Toàn bộ mặt trước công trình trồng cây và để thoáng, khách có thể tiếp cận dễ dàng với công trình. Giao thông nội bộ bên trong công trình thông với các đường giao thông công cộng, đảm bảo lưu thông bên ngoài công trình

Bao quanh công trình là các đường vành đai và các khoảng sân rộng, đảm bảo xe cho việc xe cứu hoả tiếp cận và xử lý các sự cố



Các nội dung quan trọng khác

a. Hệ thống chiếu sáng:

Tận dụng tối đa chiếu sáng tự nhiên, hệ thống cửa sổ các mặt đều được lắp kính. Ngoài ra ánh sáng nhân tạo cũng được bố trí sao cho phủ hết những điểm cần chiếu sáng.

a. Hệ thống thông gió:

Tận dụng tối đa thông gió tự nhiên qua hệ thống cửa sổ. Ngoài ra sử dụng hệ thống điều hoà không khí được xử lý và làm lạnh theo hệ thống đường ống chạy theo các hộp kỹ thuật theo phương đứng, và chạy trong trần theo phương ngang phân bố đến các vị trí tiêu thụ.

c. Hệ thống điện:

Tuyến điện trung thế 15KV qua ống dẫn đặt ngầm dưới đất đi vào trạm biến thế của công trình. Ngoài ra còn có điện dự phòng cho công trình gồm hai máy phát điện của công trình. Khi nguồn điện chính của công trình bị mất thì máy phát điện sẽ cung cấp điện cho các trường hợp sau:

Các hệ thống phòng cháy chữa cháy.

Hệ thống chiếu sáng và bảo vệ.

Các phòng làm việc ở các tầng

Hệ thống thang máy.

Hệ thống máy tính và các dịch vụ quan trọng khác.

Thoát nước:

Nước mưa trên mái công trình, trên logia, ban công, nước thải sinh hoạt được thu vào xê nô và đưa vào bể xử lý nước thải. Nước sau khi được xử lý sẽ được đưa ra hệ thống thoát nước của thành phố.

e. Hệ thống phòng cháy, chữa cháy:

*Hệ thống báo cháy:

Thiết bị phát hiện báo cháy được bố trí ở mỗi phòng và mỗi tầng, ở nơi công cộng của mỗi tầng. Mạng lưới báo cháy có gắn đồng hồ và đèn báo cháy, khi phát hiện được cháy phòng quản lý nhận được tín hiệu thì kiểm soát và khống chế hỏa hoạn cho công trình.

*Hệ thống chữa cháy:

Thiết kế tuân theo các yêu cầu phòng chống cháy nổ và các tiêu chuẩn liên quan khác (bao gồm các bộ phận ngăn cháy, lối thoát nạn, cấp nước chữa cháy). Tất cả các tầng đều đặt các bình CO₂, đường ống chữa cháy tại các nút giao thông.

f. Xử lý rác thải:

Rác thải ở mỗi tầng sẽ được thu gom và đưa ra khu vực chứa. Rác thải được xử lý mỗi ngày.

g. Giải pháp hoàn thiện:

- Vật liệu hoàn thiện sử dụng các loại vật liệu tốt đảm bảo chống được mưa nắng sử dụng lâu dài. Nền lát gạch Ceramic. Tường được quét sơn chống thấm.

- Các khu phòng vệ sinh, nền lát gạch chống trượt, tường ốp gạch men trắng cao 2m.

- Vật liệu trang trí dùng loại cao cấp, sử dụng vật liệu đảm bảo tính kỹ thuật cao, màu sắc trang nhã trong sáng tạo cảm giác thoải mái.

III. NHIỆM VỤ THIẾT KẾ:

KHỐI GIAO LƯU, TRIỂN LÃM:

- Sàn giao lưu và triển lãm định kỳ: 400m².

- Khối triển lãm cố định:

- Không gian triển lãm giới thiệu 2 nước

a. Gian triển lãm Lào.

180 m².

Trung tâm giao lưu văn hóa Việt – Lào

- b. Gian triển lãm Việt Nam 180 m².
- Không gian triển lãm chuyên đề
 - a. Giới thiệu tổ chức Việt – Lào 300 m².
 - b. Các khảo cổ Văn hóa tương đồng 300 m².
 - c. Các diện tích, ngành nghề kiếm sống, mưu sinh 400 m².
 - d. Nghệ thuật điêu khắc cổ 500 m².
 - e. Phòng chiếu phim tài liệu 100 m².
- Quầy văn hóa phẩm, lưu niệm: 60 m².
- Vệ sinh riêng cho nam và nữ.

KHÔI BIỂU DIỄN:

- **Khu khán giả:**
 - + Sân, hành lang giải lao: 250 m².
 - + Quầy giải khát + kho + soạn chia
 - + Khán phòng:
 - # Trệt: sức chứa 600 khán giả: 500 m².
 - # Lầu: sức chứa 150 khán giả: 150 m².
 - + WC nam + nữ
- **Khu sân khấu và các phòng phụ trợ:**
 - + Sân khấu: 260 m².
 - + Hóa trang nam: 40 m².
 - + Hóa trang nữ: 40 m².
 - + Vệ sinh nam: 12 m².
 - + Vệ sinh nữ: 12 m².
 - + Phòng nghỉ diễn viên: 2x12 m².
 - + Phòng đạo diễn: 25 m².
 - + Kho trang phục: 25 m².
 - + Kho nhạc cụ: 25 m².
 - + Kho đạo cụ: 25 m².
 - + Kho đồ gỗ: 50 m².
 - + Kho phong màn: 32 m².

KHÔI HỘI THẢO:

- Phòng chiếu video, hội thảo chuyên đề: 180 chỗ.
- Phòng chuẩn bị, phục vụ: 16 m².
- Phòng nghỉ diễn giả: 16 m².
- Kho thiết bị: 24 m².
- WC.

KHÔI HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU:

- **Khối hành chánh, quản lý:**
 - + Phòng ghi danh, hướng dẫn: 32 m².
 - + Phòng quản lý lớp học: 32 m².

Trung tâm giao lưu văn hóa Việt – Lào

+ Phòng nghỉ giáo viên:	32 m ² .
+ Kho học cụ:	32 m ² .
+ WC, cầu thang, sảnh.	
- Các lớp học, câu lạc bộ:	
+ Phòng học ngoại ngữ	3 x 64 m ² .
+ Phòng học tin học:	2 x 90 m ² .
+ Phòng học nhạc:	90 m ² .
+ Phòng học hát:	90 m ² .
+ Phòng học hội họa:	90 m ² .
+ Phòng học cắm hoa:	64 m ² .
+ Phòng học hội múa:	64 m ² .
+ CLB thể hình:	120 m ² .
+ CLB võ thuật:	120 m ² .
+ CLB kịch nói:	120 m ² .
+ CLB aerobic:	90 m ² .
+ CLB khiêu vũ:	90 m ² .
+ CLB thời trang:	64 m ² .
+ CLB hóa trang:	64 m ² .
+ CLB cờ tướng:	64 m ² .
+ Phòng tìm hiểu lịch sử, xã hội :	64 m ² .
+ Phòng tìm hiểu nghệ thuật sân khấu:	64 m ² .
+ Phòng tìm hiểu nghệ thuật kiến trúc:	90 m ² .
+ Phòng tìm hiểu phong tục truyền thống, tín ngưỡng:	90 m ² .
+ WC, kho.	

KHỐI THƯ VIỆN:

+ Tra cứu mục lục:	32 m ² .
+ Khu đọc:	140 m ² .
+ Khu tra cứu CD-Rom, Internet:	90 m ² .
+ Quầy thủ thư: Cho mượn, giao dịch:	24 m ² .
+ Tiếp nhận, phân loại:	16 m ² .
+ WC.	

KHỐI HÀNH CHÁNH, NGHIỆP VỤ:

- Khối hành chính:	
+ Phòng hành chính tổng hợp:	64 m ² .
+ Phòng giám đốc:	28 m ² .
+ Phòng phó giám đốc:	16 m ² .
+ Phòng y tế:	16 m ² .
+ Phòng tài vụ:	32 m ² .
+ Phòng tổ chức:	32 m ² .
+ Phòng họp:	48 m ² .
+ WC.	

-	Khối kỹ thuật:	
+	Phòng bảo vệ:	24 m ² .
+	Xưởng mộc:	64 m ² .
+	Xưởng cơ điện:	64 m ² .
+	Điều hoà trung tâm:	64 m ² .
+	Bơm nước:	16 m ² .
+	Kho	32 m ² .
+	Kho triển lãm	120 m ² .
+	Nhà xe nhân viên	
+	Nhà xe khách	
+	Quảng trường, sân vườn...	

CHƯƠNG III : KẾT LUẬN

Đây là công trình có quy mô cấp Quốc gia , phương án thiết kế đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu cần thiết. Mặt bằng công trình được bố trí theo dây chuyền công năng rõ ràng, mạch lạc. Các không gian sử dụng hợp lý với từng chức năng riêng của nó

Hình thức kiến trúc phù hợp với khu đất và khí hậu Việt Nam

Trong khuôn khổ nhiệm vụ thiết kế kiến trúc và đưa ra giải pháp xây dựng, em đã hoàn thành nhiệm vụ được giao và đã thể hiện ý tưởng kiến trúc cũng như kỹ thuật trên các bản vẽ chi tiết

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và dạy bảo tận tình của cô giáo THS .KTS. Chu Phương Thảo và các thầy cô trong khoa Xây dựng, Đại học dân lập Hải Phòng đã giúp đỡ em trong suốt quá trình làm đề án tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô !

GIỚI THIỆU TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Cơ sở văn hóa Việt Nam.
PGS.TS Trần Ngọc Thêm.
- Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam.
PGS.TS Trần Ngọc Thêm.
- Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á.
Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.
- Việt Nam – Đông Nam Á. Quan hệ lịch sử văn hóa.
NXB Chính trị Quốc gia. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.
- Danh lam và kiến trúc Đông Nam Á.
NXB Văn hóa Thông tin.
- Kiến trúc Việt Nam – các dòng tiêu biểu.
PTS KTS Nguyễn Khởi.
- Lịch sử kiến trúc Việt Nam.
Ngô Huy Quỳnh – NXB Xây Dựng 1986.
- Kiến trúc công trình công cộng.
Nguyễn Việt Châu – Nguyễn Hồng Thục.
- CA8 – Cultural Building.
Korea – Ji Seong Jeong – 1996.
- Neufert – Những dữ liệu của người làm kiến trúc.
- Đồ án Tốt nghiệp KTS các khoa trước.